

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Bản án số: **43/2026/KDTM-ST**

Ngày: 17/6/2026

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lại**

Các Hội thẩm nhân dân : - Ông **Hoàng Mạnh Hùng**

- Bà **Bùi Thị Bích Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Ngân Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Thanh Hải** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2025/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 690/2026/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 809/2026/KDTMST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- **Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đức L** – Trưởng phòng cao cấp Xử lý nợ pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 01 – Trung tâm Xử lý nợ pháp lý.

Ông Lê Đức L ủy quyền ông **Trần Đức T** – Cán bộ Xử lý nợ (*Xin vắng mặt*).

- Công ty Cổ phần J

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh T1** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phúc T2** – Trưởng phòng Xử lý nợ Auto.

Ông Nguyễn Phúc T2 ủy quyền cho **Đỗ Đăng Đ** – Chuyên viên Xử lý nợ (Có mặt).

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1.**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107124713 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 18/11/2015, thay đổi lần thứ nhất ngày 03/5/2017.

Địa chỉ trụ sở: Số D, ngách G, ngõ B T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh C** – Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Đỗ Minh C**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A G, phường H, Thành phố Hà Nội.

- Bà **Hoàng Mai D1**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A G, phường H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày:**

a. Thông tin khoản vay:

Công ty Đ1 vay vốn tại V1 – Chi nhánh N theo Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 và Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 27/9/2019 cùng Khế ước nhận nợ kèm theo cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 04/5/2017 với số tiền vay là 492.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn); Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA BT50 2.2 MT mới 100% lắp ráp tại Việt Nam theo HĐMB số 275/T4/2017/HĐMB-

MAZDA PVD ngày 24/4/2017; Lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số 040517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 với số tiền nhận nợ là 492.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 7.8%/ năm. Trong khoảng thời gian 6 tháng kể từ ngày giải ngân của Khế ước nhận nợ này: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm, ngoại trừ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/5/2018. Mức lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất, tại thời điểm điều chỉnh +4%/ năm.

- Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 24082017 ngày 27/9/2019 với hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 giữa V1 và Công ty Cổ phần Đ1 bằng 50.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng; Mục đích để bổ sung vốn lưu động kinh doanh.

b. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản bảo đảm khoản vay: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Số loại: BT50; Biển số đăng ký: 29H – 055.54; Số khung: MM7UR4DD3HW677939; Số máy: P4AT2370341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 370451 do Phòng C1 – Công an Thành phố H cấp ngày 03/5/2017 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty Cổ phần Đ1. Xác lập thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 030517-3599107-01-SME/TC ngày 04/5/2017.

Biện pháp bảo đảm khác:

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HOANGTHINH ngày 27/9/2019, ông Đỗ Minh C đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm số 24082017 ngày 27/9/2019 và các Hợp

đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Đ1 và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số 02/HOANGTHINH ngày 27/9/2019, bà Hoàng Mai D1 đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm số 24082017 ngày 27/9/2019 và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Đ1 và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

c. Quá trình thực hiện:

Công ty Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 05/3/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 17/6/2026, số tiền cụ thể như sau:

**** Theo Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017:***

- Nợ gốc: 319.200.155 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 6.257.330 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 345.166.621 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 134.034.271 đồng

Tổng cộng: 804.658.377 đồng (T3 trăm linh tư triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng).

**** Theo Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ quốc tế số 190-C-837608 ngày 29/9/2017:***

- Nợ gốc: 19.253.998 đồng
- Nợ lãi: 285.240.211 đồng

Tổng cộng: 304.494.209 đồng (Ba trăm linh tư triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm linh chín đồng).

Tổng cộng khoản nợ của các Hợp đồng: 1.109.152.586 đồng (Một tỷ, một trăm linh chín triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng).

*** Đối với đồng nguyên đơn là Công ty Cổ phần J:**

Quá trình giải quyết vụ án, theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2026/VPB-JUPITER ngày 29/4/2026 và Hợp đồng chuyển nhượng 01/2026/VPB-JUPITER ngày 29/4/2026 cùng phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công

ty Cổ phần J của khách hàng vay Công ty Cổ phần Đ1 thì Ngân hàng TMCP V (V1) chuyển giao một phần quyền chủ nợ và Công ty Cổ phần J kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V1 đối với các khoản nợ đã mua và quyền đối với các tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của Công ty Đ1.

Để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 365; Điều 368 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét thấy cần xác định **Công ty Cổ phần J** là đồng nguyên đơn trong vụ án Kinh doanh thương mại nêu trên.

Do đó, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án và bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn số 656/2026/TB-TLVA ngày 04/5/2026 để bổ sung Công ty Cổ phần J vào tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án Kinh doanh thương mại.

Công ty Cổ phần J đồng ý với toàn bộ ý kiến của đồng nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) trong quá trình giải quyết vụ án.

d. Yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J:

- Các yêu cầu của Nguyên đơn:

1. Yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty J AMC toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên theo tỷ lệ của hai bên. Tính đến ngày 17/6/2026, số tiền cụ thể như sau:

- Số tiền Công ty Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) đối với Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 tổng là 33.531.205 đồng, số tiền cụ thể:

- + Nợ gốc: 15.960.008 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 312.866 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 17.258.331 đồng;

- Số tiền Công ty Đ1 còn nợ Công ty Cổ phần J đối với Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 tổng là 637.092.901 đồng, số tiền cụ thể như sau:

- + Nợ gốc: 303.240.147 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 5.944.464 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 327.908.290 đồng;

- Số tiền Công ty Đ1 còn nợ Công ty Cổ phần J đối với Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ quốc tế số 190-C-837608 ngày 29/9/2017 là 304.494.209 đồng, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 19.253.998 đồng;

+ Nợ lãi: 285.240.211 đồng;

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, và văn bản tố tụng kèm theo cho đến ngày Công ty Đ1 thực tế thanh toán hết nợ cho V1 và Công ty Cổ phần J.

3. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: V1 hoặc/ và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V1 và Công ty Cổ phần J nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần J, cụ thể như sau: **01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Số loại: BT50; Biển số đăng ký: 29H – 055.54; Số khung: MM7UR4DD3HW677939; Số máy: P4AT2370341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 370451 do Phòng C1 – Công an Thành phố H cấp ngày 03/5/2017 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty Cổ phần Đ1.**

4. Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V1 và Công ty Cổ phần J thì V1 và J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Đ1 để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty Đ1 thanh toán hết khoản nợ cho V1.

5. V1 đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc V1 có quyền yêu cầu người bảo lãnh: Ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Đ1 tại V1. Đề nghị xác minh các tài sản của ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 để Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi nợ cho V1.

+ Ngày 12/6/2026, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu sau:

- Buộc Công ty Đ1 phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 17/6/2026 là: 134.034.271 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng).

- Yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đ1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

*** Đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C):**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Công ty Cổ phần Đ1 có đăng ký trụ sở tại địa chỉ số D, ngách G, ngõ B T, phường H, Thành phố Hà Nội. Cán bộ Tòa án đã xuống địa chỉ trụ sở Công ty để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không gặp được ai, không có ai nhận văn bản tố tụng. Qua làm việc với đồng chí Cảnh sát khu vực phụ trách địa chỉ nêu trên cho biết: Công ty Đ1 trước đây có đăng ký trụ sở tại số D, ngách G, ngõ B T, phường H, Thành phố Hà Nội nhưng hiện nay Công ty không treo biển công ty và không hoạt động tại địa chỉ trên. Hiện nay, không có ai sinh sống hay làm việc tại địa chỉ nêu trên. Do đó, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn là Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) tại trụ sở Công ty theo đăng ký kinh doanh (Số D, ngách G, ngõ B T, phường H, Thành phố Hà Nội) nhưng Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp của các Hợp đồng vay: **01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Số loại: BT50; Biển số đăng ký: 29H – 055.54; Số khung: MM7UR4DD3HW677939; Số máy: P4AT2370341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 370451 do Phòng C1**

– Công an Thành phố H cấp ngày 03/5/2017 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty Cổ phần Đ1. Xác lập thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 030517-3599107-01-SME/TC ngày 04/5/2017.

Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ1 là ông Đỗ Minh C không đến Tòa làm việc cũng không đưa xe đến địa điểm được thông báo theo Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ để Tòa án xem xét, thẩm định theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được.

*** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ xóm A G, phường H, Thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về địa chỉ nơi ở của ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 tại xóm A G, phường H, Thành phố Hà Nội. Qua làm việc, đồng chí Cảnh sát khu vực – Công an phường H phụ trách địa chỉ trên cung cấp: Ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có đăng ký hộ khẩu nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên. Ông C và bà D1 chuyển đi đâu không thông báo nên Chính quyền không rõ. Do đó, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1. Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách đồng nguyên đơn, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 tại địa chỉ nơi đăng ký thường trú của ông C và bà D1 (Xóm A G, phường H, Thành phố Hà Nội), UBND phường H và trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Tuy nhiên ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 vẫn không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ

sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định của pháp luật.

*** *Tại phiên tòa hôm nay:***

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty Cổ phần J giữ nguyên các nội dung đã trình bày tại Tòa và giữ nguyên các nội dung đã rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên nội dung đã trình bày tại Tòa trước đây và giữ nguyên các nội dung đã rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 vắng mặt tại phiên tòa.

*** *Đại diện VKSND khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:***

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ, chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng tại Tòa án là không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J đối với Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C).

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 17/6/2026 cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 tổng là 33.531.205 đồng, số tiền cụ thể:

- + Nợ gốc: 15.960.008 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 312.866 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 17.258.331 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 17/6/2026 cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 tổng là 637.092.901 đồng, số tiền cụ thể như sau:

- + Nợ gốc: 303.240.147 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 5.944.464 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 327.908.290 đồng;

- Đối với Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ quốc tế số 190-C-837608 ngày 29/9/2017 là 304.494.209 đồng, cụ thể như sau:

- + Nợ gốc: 19.253.998 đồng;
- + Nợ lãi: 285.240.211 đồng;

- Ngân hàng TMCP V (V1) hoặc/ và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J, cụ thể như sau:

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Số loại: BT50; Biển số đăng ký: 29H – 055.54; Số khung: MM7UR4DD3HW677939; Số máy: P4AT2370341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 370451 do Phòng C1 – Công an Thành phố H cấp ngày 03/5/2017 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty Cổ phần Đ1. Xác lập thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 030517-3599107-01-SME/TC ngày 04/5/2017.

- Trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 không thanh toán, thanh toán không đầy đủ hoặc việc xử lý tài sản bảo đảm của Công ty Cổ phần Đ1 không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty. Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý tài sản của ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả tạm tính đến hết ngày 17/6/2026 với số tiền cụ thể là 134.034.271 đồng và yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần Đ1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 có trụ sở tại địa chỉ số D, ngách G, ngõ B T, phường H, Thành phố Hà Nội thanh toán toàn bộ khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường H, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

1.2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã đến địa chỉ trụ sở Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) và địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Đỗ Minh C, bà Hoàng Mai D1 (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) để tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn là Công ty Cổ phần Đ1 hiện nay không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có đăng ký thường trú tại Xóm A, G, phường H, Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, qua xác minh, ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 không sinh sống tại địa chỉ trên. Do đó, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho Công ty Cổ phần Đ1 và ông Đỗ Minh C, bà Hoàng Mai D1. Để đảm bảo cho việc tổng đạt được hợp lệ, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại

Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty Cổ phần Đ1 và ông Đỗ Minh C, bà Hoàng Mai D1 vẫn không lên Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng Công ty Cổ phần Đ1 và ông Đỗ Minh C, bà Hoàng Mai D1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần Đ1 và ông Đỗ Minh C, bà Hoàng Mai D1 là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHD ngày 04/5/2017 và Khế ước nhận nợ số 040517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần Đ1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật. Dựa trên Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng TMCP V (V1) đã giải ngân cho Công ty Cổ phần Đ1 số tiền là **492.000.000 đồng** (*Bốn trăm chín mươi hai triệu đồng*).

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 24082017 ngày 27/9/2019 với hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 giữa V1 và Công ty Đ1 bằng 50.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V (V1) kể từ ngày 05/3/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký. Tính đến hết ngày 17/6/2026, Công ty Cổ phần Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền là **33.531.205 đồng** (Trong đó: Gốc phải trả là 15.960.008 đồng; Lãi trong hạn là

312.866 đồng; Lãi quá hạn là 17.571.197 đồng) và còn nợ Công ty Cổ phần J số tiền theo các Hợp đồng cụ thể như sau: Đối với Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 tổng là **637.092.901 đồng** (Trong đó: Nợ gốc là 303.240.147 đồng; Nợ lãi trong hạn là 5.944.464 đồng; Nợ lãi quá hạn: 327.908.290 đồng); Đối với Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ quốc tế số 190-C-837608 ngày 29/9/2017 là **304.494.209 đồng** (Trong đó: Nợ gốc là 19.253.998 đồng; Nợ lãi: 285.240.211 đồng).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 17/6/2026 là 134.034.271 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đ1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các phần yêu cầu này.

Do đó, Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán khoản tiền nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Căn cứ vào các Hợp đồng và Khế ước nhận nợ kèm theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy sự thỏa thuận về tiền lãi của các bên trong Hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

2.3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Tài sản thế chấp cụ thể như sau:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Số loại: BT50; Biển số đăng ký: 29H – 055.54; Số khung: MM7UR4DD3HW677939; Số máy: P4AT2370341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 370451 do Phòng C1 – Công an Thành phố H cấp ngày 03/5/2017 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty Cổ phần Đ1. Xác lập thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 030517-3599107-01-SME/TC ngày 04/5/2017.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp ô tô giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không lừa dối; nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; trình tự, thủ tục thế chấp đúng quy định tại các Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322 và Điều 323 Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên phát sinh hiệu lực. Vì vậy, nếu Công ty Cổ phần Đ1 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP V (V1) hoặc/ và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản thế chấp.

2.4. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đ1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đ1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

2.5. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bảo lãnh:

Ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP V (V1) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông

Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Xét thấy Hợp đồng bảo lãnh số 01/HOANGTHINH ngày 27/9/2019 được ký kết giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Minh C trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy Hợp đồng bảo lãnh số 02/HOANGTHINH ngày 27/9/2019 được ký kết giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Mai D1 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 1 của các Hợp đồng bảo lãnh, bên bảo lãnh (Ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty Cổ phần Đ1) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng P từ các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên được bảo lãnh (Công ty Cổ phần Đ1) với Ngân hàng, cụ thể là tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan được ký kết giữa hai bên.

Căn cứ vào nghĩa vụ của bên bảo lãnh, quyền của bên ngân hàng trong Hợp đồng bảo lãnh, Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J yêu cầu ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP V (V1) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J trong trường hợp Công ty Đ1 không thanh toán hoặc

thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền mà yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J được chấp nhận.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 292; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 8; Điều 22 và Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J AMC khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 17/6/2026 với số tiền cụ thể là 134.034.271 đồng.

- Yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đ1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ

để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C):

Buộc Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 17/6/2026 là **33.351.205 đồng (Ba mươi ba triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, hai trăm linh năm đồng)**. Trong đó:

- Nợ gốc phải trả: 15.960.008 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 312.866 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 17.258.331 đồng.

Buộc Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 17/6/2026 là:

- **Đối với Hợp đồng cho vay số 030517-3599107-01-SME ngày 04/5/2017 tổng là 637.092.901 đồng, số tiền cụ thể như sau:**

- + Nợ gốc: 303.240.147 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 5.944.464 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 327.908.290 đồng;

- **Đối với Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ quốc tế số 190-C-837608 ngày 29/9/2017 là 304.494.209 đồng, cụ thể như sau:**

- + Nợ gốc: 19.253.998 đồng;
- + Nợ lãi: 285.240.211 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo ngay sau ngày xét xử, Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J thì Ngân hàng TMCP V (V1) hoặc/ và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê

biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J, cụ thể như sau:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA; Số loại: BT50; Biển số đăng ký: 29H – 055.54; Số khung: MM7UR4DD3HW677939; Số máy: P4AT2370341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 370451 do Phòng C1 – Công an Thành phố H cấp ngày 03/5/2017 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty Cổ phần Đ1.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J thì Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 không thanh toán, thanh toán không đầy đủ hoặc việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J thì ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần Đ1 đối với Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Trường hợp ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ của Công ty Cổ phần Đ1 thì Ngân hàng TMCP V (V1) hoặc/ và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, xử lý tài sản của ông Đỗ Minh C và bà Hoàng Mai D1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Minh C) phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.824.964 đồng (*Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn, chín trăm sáu mươi tư đồng*).

- Ngân hàng TMCP V (V1) được trả lại số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018406 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại